

SỰ HỒN DUNG GIỮA PHẬT GIÁO VÀ TÍN NGƯỠNG THUỶ THẦN QUA NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP CHÙA YÊN PHÚ

TS. LÊ TÂM ĐẮC*

1- Đặt vấn đề

Hiện nay, trên Phật điện chùa Yên Phú, tên chữ là Thanh Vân cổ tự (xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội), bên cạnh thờ Phật còn thờ Ni sư Phương Dung và hai vị con nuôi của bà là Trung Vũ và Đài Liệu. Chùa Yên Phú hiện còn lưu giữ được một số di văn Hán - Nôm, trong đó có bản *Yên Phú tự* (do Hàn lâm viện Đông các Đại học sĩ Nguyễn Bính soạn năm 1572 và được chép lại vào năm Thành Thái thứ 17 - 1905) để cập một cách khá chi tiết về công tích và việc thờ phụng các vị này.

Việc một ngôi chùa Việt truyền thống không những thờ Phật, chư vị hộ trì Phật pháp, mà còn thờ nhiều thần linh của các tôn giáo khác và các tín ngưỡng bản địa diễn ra khá phổ biến ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Tự chung lại, có thể quy các đối tượng thờ ngoài Phật giáo này vào mấy nhóm chủ yếu sau đây: Thần tự nhiên và thần nông nghiệp, tiêu biểu là hệ thống Tứ Pháp. Thần của các tôn giáo, tín ngưỡng khác như Nho giáo, tiêu biểu là Khổng Tử và các vị Á Thánh; Đạo giáo, tiêu biểu là bộ ba Ngọc Hoàng - Nam Tào - Bắc Đẩu; thần linh của người Chăm, với thần Po Riyak, thần Po Yan Dari. Thần linh trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu hay còn được gọi là thờ Chư vị, các ông Hoàng, bà Chúa. Những vị nhân thần có công với đất nước. Thờ Hậu Phật và những người có công xây dựng hay tôn tạo ngôi chùa...¹. Nhưng, với việc Ni sư Phương Dung cùng hai người con nuôi, là hai vị Thủy thần, được thờ không chỉ ở Phật điện chùa Yên Phú mà còn được thờ ở hậu cung đình làng Yên

Phú, đã đặt ra thêm một số vấn đề thú vị nữa về mặt khoa học. Để góp phần làm rõ hiện tượng nêu trên, trước hết xin được trình bày một cách khái quát về thần tích của các vị thần này qua một số tư liệu hiện tồn, đặc biệt là bản *Yên Phú tự*.

2- Thần tích làng Yên Phú

Theo truyền thuyết, vào cuối thời Hùng Vương thứ 18, ở làng Lưu Xá, huyện Thượng Hiền, phủ Nghĩa Hưng, đạo Sơn Nam Hạ, có cặp vợ chồng Trương Công Điều và Phùng Thị Huệ đã sinh mấy người con trai, sau sinh thêm được người con gái, đặt tên là Phương Dung. Nàng có sắc đẹp chim sa cá lặn, mặt hoa da phấn, dáng vẻ yếu điệu thướt tha, không ai sánh bằng. Năm 16 tuổi, Phương Dung nguyện không lấy chồng, một lòng mộ Phật. Sau đó, bà xuất gia tu hành tại chùa Thanh Vân, trang Yên Phú, huyện Thanh Đàm, phủ Thượng Phúc (chùa Yên Phú ngày nay). Một hôm, vào giữa giờ Mùi, bà ra tắm ở bến sông Kim Ngưu (sông Tô Lịch?), ngược trông lên thấy một đám mây lành sà xuống quấn lấy thân thể. Kinh hãi, bà vội chạy về chùa. Đêm đó, bà nằm mộng thấy một vị tướng quân mặc áo gấm, đeo ngọc châu, thân thể kỳ dị từ dưới nước đi lên, tự xưng là quan Thủy thần và nói với bà rằng: "Làng này đức dày, trời đã soi tỏ, lệnh cho hai vị Thủy thần giáng sinh, xuất thế, đầu thai vào làm con, nên chớ lo lắng gì cả". Nói rồi, vị thần lên thuyền rồng biến mất. Ngày hôm sau, khi đi qua ngôi miếu, bà thấy có hai quả trứng rất to, bèn mang về chùa. Bỗng nhiên, có hai tiếng nổ to như sấm dậy, hai trứng nở ra hai chàng trai đầu người, mình rắn, da có vảy giáp, tướng mạo lạ thường, vóc người to lớn.

* *Viện Nghiên cứu Tôn giáo*

Bà biết, hẳn đây là Thủy thần xuất thế. Đó là ngày 22 tháng 4 năm Quý Ty.

Biết sự việc kỳ lạ, dân làng Yên Phú cùng kéo nhau đến chùa. Hai vị nói với mọi người rằng, họ vốn là Thủy thần, được dân làng thờ phụng lâu nay, một người tên là Trung Vũ, một người tên là Đài Liệu. Nay, họ phụng mệnh Thiên đình giáng sinh để giúp nước. Thấy vậy, nhân dân đều sợ hãi và làm lễ tâu rằng: Dân làng Yên Phú chúng tôi xin phụng sự Thủy thần theo hiệu mà Người đã dạy, xin làm lễ mừng và xin làm con cái Người.

Trung Vũ và Đài Liệu được bà Phương Dung nuôi dưỡng. Họ học giỏi văn chương, tinh thông võ lược. Một năm nọ, trời làm đại hạn hán, cây cối đều chết khô. Hai ông truyền dân làng lập đàn kêu cầu trời đất. Vừa kêu cầu được một lát, mưa to khắp cả một vùng, ruộng đồng đầy nước, cây cỏ hồi sinh. Năm đó, được mùa lớn, dân làng an cư lạc nghiệp. Có năm, đê lớn vỡ nước, lũ tràn về, dân làng lo sợ cầu cứu, hai ông biến thành hai con đê ngăn lũ. Dân họ đê không biết nên vô tình cuốc đứt đuôi một chàng, nên có tên là "chàng Cụt". Truyền thuyết "Chàng Cụt chàng Dài" được lưu truyền từ đây.

Khi Tô Định đem quân sang xâm lược nước ta, Hai Bà Trưng dấy binh, truyền hịch khắp nơi, mời người tài giỏi anh minh giúp sức dẹp giặc, cứu nước. Hưởng ứng lời hiệu triệu của Hai Bà Trưng, mẹ con bà Phương Dung triệu tập được hàng nghìn người, nhất là 25 trai tráng khỏe mạnh làng Yên Phú, tham gia đánh giặc giữ nước. Khi đến nơi đóng quân, thấy hai người con nuôi của bà Phương Dung vẫn võ toàn tài, Hai Bà Trưng bèn phong cho hai ông là Tả Tướng quân và Hữu Tướng quân, chia quân đi đánh Tô Định. Giặc tan, Trưng Nữ lên ngôi vua, mở tiệc mừng phong chức cho các tướng sĩ, ban cho mẹ con bà Phương Dung được về thăm quê Yên Phú và được hưởng những lợi tức ở ấp Thanh Trì. Nhà vua còn ban ba trăm mẫu ruộng, miễn phu phen, tạp dịch cho dân làng Yên Phú.

Tạ ơn nhà vua, mẹ con bà Phương Dung lên thuyền trở về quê hương Yên Phú. Thuyền rồng về đến giữa sông Kim Ngưu thì thấy một đám mây vàng như dải lụa bay xuống. Thấy vậy, ba mẹ con vô cùng sợ hãi, chạy lên đứng ở bãi đất đầu sông bên làng Yên Phú. Bỗng chốc, trời đất tối xầm, mưa to gió lớn nổi lên, rồi thấy bà Phương Dung mình mặc áo gấm, ngồi trên kiệu hoa cưỡi mây mà đi. Hai vị con nuôi tự bay lên, rồi lao xuống dòng sông mất hút. Hôm đó là ngày mùng 7 tháng 11. Trong

khoảng khắc, sóng nước vọt cao, giao long, xà giải (binh lính của các vị Thủy thần) cùng sắp hàng dẫn lối. Quân sĩ và nhân dân đều vô cùng kinh hãi bèn làm biểu tấu lên triều đình. Trưng Nữ vương sai quân đến nơi tế lễ và truyền rằng, đây là nơi đất tốt, đặt tên là xứ Đồng Lãng, chuẩn cho nhân dân làng Yên Phú thờ phụng ba vị.

Đến năm Thiên Phúc, đời Lê Đại Hành, khi kê cứu bách thần, thấy ba vị có công lớn với đất nước, bèn phong tặng bà Phương Dung là Hoàng Thái hậu Tuệ Tĩnh Phu nhân, hai vị Trung Vũ và Đài Liệu là Bản cảnh Thành hoàng Linh phù chi thần. Đồng thời, nhà vua cũng phong mỹ tự cho Thánh Mẫu Phương Dung là Trinh thực Chí đức Đoan trang Cẩn tiết Hoàng Thái hậu; phong cho Trung Vũ và Đài Liệu là Hộ quốc Khang dân Phù vận Dương vũ... Đại vương.

Từ các thời Tiền Lê, Lý, Trần trở về sau, các thần thường thần thông biến hóa, hiển hữu anh linh giúp dân giúp nước, nên thường xuyên được ban sắc phong, chuẩn cho nhân dân làng Yên Phú thờ phụng. Ngày sinh của các thần là ngày 22 tháng 4; ngày hóa là ngày 7 tháng 11².

3- Một số suy nghĩ bước đầu về các vị thần được thờ ở làng Yên Phú

Tích truyện về các vị thần được thờ ở chùa và đình làng Yên Phú được cho là xảy ra vào thời Hai Bà Trưng. Cụ thể là, Ni sư Phương Dung cùng hai vị con nuôi huy động nhân dân, nhất là 25 thanh niên làng Yên Phú, tham gia khởi nghĩa đánh tan quân Hán. Liên quan đến việc Ni sư tu tập ở chùa Yên Phú tham gia khởi nghĩa Hai Bà Trưng³, ở đây cần nhắc lại một điều đã được nhiều người biết đến, và thực tế ở vùng châu thổ Bắc Bộ cho thấy rõ, tướng lĩnh của Hai Bà phần lớn là nữ. Có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh việc giải thích về vấn đề này. Tự chung lại, phần đông ý kiến cho rằng, đó là tàn tích của chế độ Mẫu hệ ở nước ta hồi đầu Công nguyên. Bên cạnh đó, đây cũng là sự phản ánh vai trò quan trọng của phụ nữ Việt không những trong cuộc sống mà còn cả trong sự nghiệp đánh giặc ngoại xâm. Đó có lẽ là một trong những lý do giải thích tại sao thờ nữ thần là một đặc điểm nổi trội trong tín ngưỡng bản địa của người Việt từ truyền thống đến hiện tại.

Một trong những đặc điểm chính của tín ngưỡng bách thần nói chung, của tín ngưỡng Thành hoàng ở người Việt nói riêng, là xu hướng phàm hóa, nghĩa là lịch sử hóa, nhân hóa, công tích

hóa, địa phương hóa các hiện tượng thiêng. Nằm trong xu thế đó, mặc dù các sự kiện được nêu trong thần tích làng Yên Phú là khá rõ ràng về không gian và thời gian, thì chúng ta vẫn có thể thấy rằng, đằng sau yếu tố Phật giáo là tín ngưỡng Thủy thần, cụ thể ở đây là tín ngưỡng thờ Rắn.

Thần Rắn được thờ phổ biến ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, trong đó tiêu biểu nhất và đậm nét nhất là tỉnh Hà Đông⁴. Thần Rắn được cung cấp những lý lịch cụ thể khác nhau, mang tên người, tên đất khác nhau. Các thần tích về thần Rắn được ghi lại có lẽ bắt đầu từ thời Lý - Trần, cụ thể trong *Việt điện u linh* và *Đại Việt sử ký toàn thư*⁵. Qua các thần tích có thể thấy mấy dạng thần Rắn chủ yếu sau đây:

Dạng thứ nhất là bà mẹ (phạm tục) bị rắn hay rồng phủ rồi có mang, sinh ra một bọc, thường là hai trứng, nở thành hai con trai; cha mẹ mất sớm, trở thành mồ côi; có tài đánh giặc ngoại xâm, giặc có thật hoặc giặc không có thật (giặc Mũi Đỏ, giặc Ma Na, giặc Vĩnh Trinh, giặc Chiêm Thành, giặc Ai Lao, quân Nam Hán, quân Tống, quân Lương, quân Nguyên,...), đánh giặc trực tiếp hoặc âm phù, giặc tan được vua trọng dụng, rồi sau hóa xuống nước. Thuộc dạng thứ nhất này có thần tích các xã Dịch Vọng Tiên, xã Thượng Cung (tỉnh Hà Đông); xã Sài Thị, xã Cổ Lễ (tỉnh Hưng Yên), xã Dương Mông (tỉnh Hải Dương),...⁶.

Dạng thứ hai là bà mẹ (phạm tục) nằm mơ thấy rắn hay Long thần, sau đó có mang, trực tiếp sinh ra con trai, hoặc sinh ra trứng rồi nở thành con trai; cũng mồ côi cha mẹ, tham gia đánh đủ thứ giặc ngoại xâm có thật hoặc không có thật, đánh giặc trực tiếp hoặc âm phù, lập nhiều chiến công hiển hách, được vua trọng thưởng, rồi hóa. Thuộc dạng thứ hai này có thần tích xã Dương Khê (tỉnh Thái Bình), xã Linh Khê (tỉnh Hải Dương), xã Dụ Nghĩa, xã Thủy Tú (tỉnh Kiến An), xã Lâm Hộ (tỉnh Phúc Yên),...⁷.

Dạng thứ ba là bà mẹ (phạm tục) nhặt được trứng, sau nở thành con rắn, trở thành con nuôi; hoặc nhặt được trứng, mang về, trứng vỡ bắn nước vào bụng bà mẹ, rồi mang thai, sinh ra bọc trứng, nở thành con rắn; đều có công giúp dân chống hạn hán, hoặc chống lũ lụt. Đây chủ yếu là mô hình "chàng (hoặc ông) Cụt (hoặc Cộc), chàng (hoặc ông) Dài". Thuộc dạng thứ ba này có thần tích làng Kim Bài (tỉnh Hà Tây), xã Thông Quyết (tỉnh Bắc Ninh),...⁸.

Theo Nguyễn Duy Hinh, dù thần tích thờ Rắn bất cứ ở dạng thức nào thì mô hình chung vẫn là:

rắn - người hùng - rắn. Đó là một mô hình hoàn toàn Việt, khác với mô hình: rắn - người hùng - thần trong thần thoại Trung Quốc hay Ấn Độ⁹.

Trở lại thần tích làng Yên Phú, để nhận thấy, đây là một mô hình đặc biệt, một mô hình tổng hợp của các dạng thức thần tích thờ Rắn đã nêu ở trên. Trong dạng thức này, sự đặc biệt chủ yếu xuất phát từ việc bà mẹ nuôi của cặp rắn là một tu sĩ Phật giáo. Chính vì vậy, nhiều tình tiết của thần tích đã không thể diễn tiến theo các cách thức thông thường khi bà mẹ là một người phạm tục. Nội dung thần tích làng Yên Phú đã được dân gian và Nho thần của các chính quyền phong kiến Việt Nam sáng tạo ra theo một cách thức vừa có những đặc điểm riêng vừa có những điểm chung mang tính truyền thống.

Theo đó, vì Phương Dung là một nhà sư nên bà không thể sinh hạ các người con theo cách thức của người phạm trần được (dạng thức thứ nhất và thứ hai). Bà chỉ là mẹ nuôi, nhặt được hai trứng, trứng nở thành hai chàng trai (sự kết hợp của một phần dạng thức thứ ba với hai dạng thức đầu). Công tích của bà chủ yếu là sự giáo dưỡng, nhất là cùng hai vị tham gia chống giặc ngoại xâm, một chi tiết mà chúng ta không thấy, hay nói đúng hơn là hiện chưa thấy đề cập đến ở trong các thần tích thờ Rắn thuộc cả ba dạng thức nêu trên. Bên cạnh đó, tương tự là việc bà được phong thần, được phối thờ cùng với hai vị Bản cảnh Thành hoàng là Trung Vũ và Đai Liệu ở đình làng Yên Phú. Tuy nhiên, một số điểm trong kết cấu của các dạng thức thần tích thờ Rắn phổ biến vẫn còn được giữ lại như việc bà đi tắm ở sông Kim Ngưu, gặp mây lành sà xuống (thay vì bị rắn hoặc rồng) quấn lấy thân thể, rồi nằm mơ thấy Long thần báo mộng có hai vị Thủy thần đầu thai để giúp nước giúp dân, sau lớn lên hai vị cũng có công đánh giặc ngoại xâm, được vua trọng dụng, rồi hóa.

Thần tích làng Yên Phú còn thú vị ở chỗ, các vị Thủy thần không chỉ có công lao đánh giặc ngoại xâm (dạng thức thứ nhất và thứ hai), mà còn có công đánh "giặc thiên nhiên" (dạng thức thứ ba) giúp dân, giúp nước. Đây chắc hẳn là một sự bổ sung công tích cho các vị thần được thờ chỉ xuất hiện từ thời Lý - Trần trở về sau, dựa trên hai tiêu chuẩn chủ yếu là "hộ quốc, tỵ dân" hoặc "hộ quốc, an dân" theo quan điểm của các nhà nước phong kiến, để Trung Vũ và Đai Liệu được phong Thượng đẳng thần và trở thành Thành hoàng làng Yên Phú.

Chi tiết giúp dân làng Yên Phú chống lũ lụt của “chàng Cụt, chàng Dài” trong bản thần tích này cũng có nét riêng đáng lưu ý. Phải chăng, do là con nuôi và được một vị tu sĩ Phật giáo giáo dưỡng, nên rõ ràng chúng ta chưa thấy ở hai vị Trung Vũ và Đài Liệu các bản tính dữ tợn, ngang ngược, háo sắc như trong hầu hết thần tích thờ Rắn của dạng thức này¹⁰. Nét riêng còn thể hiện ở chi tiết sau khi thăng giặc và được vua trọng thưởng trở về, bà Phương Dung đã hóa cùng một ngày với hai người con nuôi. Nhưng cách thức hóa giữa họ có khác nhau. Bà Phương Dung, mặc dù là một tu sĩ Phật giáo, nhưng cách thức hóa lại mang màu sắc Đạo giáo thần tiên, cụ thể là ngồi kiệu hoa, cưỡi mây mà đi. Còn hai vị Trung Vũ và Đài Liệu thì vẫn giữ theo cách thức truyền thống của các vị Thủy thần là biến mất xuống dòng sông.

Tóm lại, thần tích làng Yên Phú phản ánh một cách rõ nét sự hỗn dung giữa Phật giáo với tín ngưỡng thờ Rắn, một trong những tín ngưỡng bản địa truyền thống của người Việt ở vùng châu thổ Bắc Bộ. Sự hỗn dung này có những điểm tương đồng với sự hỗn dung giữa Phật giáo với tín ngưỡng Tứ Pháp, vốn rất phổ biến cũng trong khu vực địa lý này. Trong cả hai hình thức hỗn dung đó, các tín ngưỡng bản địa, như tín ngưỡng Thủy thần, cụ thể ở đây tiêu biểu là tục thờ Rắn và tín ngưỡng gắn với nông nghiệp, cụ thể ở đây tiêu biểu là tục thờ Tứ Pháp, có lẽ là những yếu tố tồn tại trước khi có sự du nhập của Phật giáo vào Việt Nam. Nói cách khác, như Hà Văn Tấn từng phát biểu, nhiều ngôi chùa Việt đầu tiên có thể vốn là những ngôi đền thờ các vị thần truyền thống. Không phải người ta đã đặt tượng vị thần truyền thống vào các ngôi chùa thờ Phật mà đã đặt bàn thờ Phật vào các đền thờ các vị thần bản địa¹¹. Cho nên, trong những trường hợp như vậy, theo chúng tôi, biểu hiện của yếu tố Phật giáo thường là khá mờ nhạt trước sự nổi trội của yếu tố tín ngưỡng truyền thống.

Trong trường hợp làng Yên Phú, sự nổi trội của tín ngưỡng Thủy thần thể hiện không chỉ trong nhiều tình tiết của bản *Yên Phú tự*, mà còn được thể hiện khá đậm nét ở nhiều phương diện khác trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của cư dân địa phương này. Chẳng hạn, các sắc phong hiện còn lưu giữ ở đình làng Yên Phú đều chỉ phong bà Phương Dung là thần (Công chúa hoặc Hoàng hậu), trong khi đó, hai vị Trung Vũ và Đài Liệu lại

đều được phong là Bản cảnh Thành hoàng. Sự thờ phụng các vị thần ở ngôi đình về mặt tượng pháp cũng như một số nghi thức trong lễ hội làng Yên Phú cũng phản ánh rõ nét điều này. Bên cạnh đó, còn phải kể đến nền chùa Yên Phú cũ nằm sát sông Tô Lịch - Khảo sát thực tế bước đầu cho thấy, nó vốn có mặt bằng kiến trúc hình vuông. Điều này cho phép chúng ta ngờ rằng, đây chính là nền của một ngôi đền. Nếu đúng như vậy, thì đây là ngôi đền thờ hai vị Thủy thần trước khi nó dần được chuyển hóa thành một ngôi chùa./.

L.T.D

Chú thích:

1- Xem: Lê Tâm Đắc, Tạ Quốc Khánh, “Tính hỗn dung của người Việt thể hiện qua đối tượng thờ cúng trong các ngôi chùa ở Hà Nội”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2 năm 2003, Tr. 39 - 48.

2- Xem: *Thần tích chùa Yên Phú*, Bản phiên âm và dịch nghĩa của Hoàng Thị Thu Hương, Viện Nghiên cứu Tôn giáo; Mai Hồng, “Chùa Yên Phú: Biểu tượng yêu nước truyền thống của nhân dân Yên Phú”, in trong: Thích Đức Nghiệp, *Đạo Phật Việt Nam*, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, Tr. 38 - 48; “Ghi chép lại triều đại Trưng Nữ Vương”, in trong: Thích Đức Nghiệp, *Đạo Phật Việt Nam*, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, 1995, Tr. 49 - 59; Ban Quản lý Di tích và Danh thắng thành phố Hà Nội, *Hồ sơ xếp hạng di tích lịch sử chùa Yên Phú*.

3- Một điểm đáng lưu ý là, khởi nghĩa Hai Bà Trưng diễn ra vào năm 40 đầu Công nguyên. Nhưng việc Hai Bà Trưng cùng các tướng lĩnh của Hai Bà xuất hiện trong sử sách nước ta khá muộn, mãi thế kỷ XV, trong bộ Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên.

4- Thời Nguyễn, làng Yên Phú thuộc tỉnh Hà Đông.

5- Xem: Nguyễn Duy Hinh, *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, H, 1996, Tr. 351.

6- Xem: Nguyễn Duy Hinh, *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, H, 1996, Tr. 221 - 228. Xin lưu ý rằng, tên các làng xã thờ thần Rắn được nêu ở đây là những địa danh đầu thế kỷ XX.

7- Xem: Nguyễn Duy Hinh, *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, H, 1996, Tr. 221 - 228.

8- Xem: Nguyễn Đồng Chi, “Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam”, in trong: *Nguyễn Đồng Chi, Tác phẩm được giải thưởng Hồ Chí Minh (quyển II)*, Nxb. Khoa học xã hội, H, 2003; Chi ủy, Chi bộ làng Kim Bài, Hội Cao tuổi làng Kim Bài (thị trấn Kim Bài), *Lịch sử làng Kim Bài, thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây*, 2006; Nguyễn Duy Hinh, *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, H, 1996,...

9- Xem: Nguyễn Duy Hinh, *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, H, 1996, Tr. 352.

10- Xem: Nguyễn Đồng Chi, “Ông Dài ông Cộc hay là sự tích thần sông Kỳ Cùng”, in trong: *Nguyễn Đồng Chi, Tác phẩm được giải thưởng Hồ Chí Minh (quyển II: Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam)*, Nxb. Khoa học xã hội, H, 2003, Tr. 534 - 545.

11- Xem thêm: Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, *Chùa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, H, 1993, Tr. 27.